

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Tên cơ sở công bố: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA YERSIN NHA TRANG**

Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 00002/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế tỉnh
Khánh Hòa cấp ngày 04/8/2025.

Địa chỉ: Lô Bv3, Khu đô thị Mỹ Gia, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: ThS BS. Bùi Thị Thanh Vinh

Điện thoại liên hệ: 0258 3898000

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ Quy định về
tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe. Cơ sở công bố đã đáp ứng
yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Y đa khoa/Y khoa (*Danh mục kèm theo - Phụ lục 1*).
2. Trình độ đào tạo thực hành: Đại học (*Danh mục kèm theo - Phụ lục 1*).
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả trình độ): Tiếp nhận tối đa 160 người thực hành; Trình độ Đại học Y đa khoa/Y khoa (*Danh mục kèm theo - Phụ lục 1*).
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: 16 người giảng dạy thực hành, trong đó Khoa Nội tổng hợp (04 người), Khoa Ngoại tổng hợp (01 người), khoa Phụ sản (04 người), khoa Nhi (02 người), khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực & chống độc (05 người) - (*Danh mục kèm theo - Phụ lục 2*).
5. Danh sách các Khoa/Phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng mỗi Khoa/Phòng: 238 giường, trong đó Khoa Nội tổng hợp (95 giường), Khoa Ngoại tổng hợp (20 giường), khoa Phụ sản (38 giường), khoa Nhi (75 giường), khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực & chống độc (10 giường) - (*Danh mục kèm theo - Phụ lục 2*).
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: Gồm 18 mục trang thiết bị (*Danh mục kèm theo - Phụ lục 3*).

Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố./.

Nơi nhận:

- BGĐ BV (VBĐT);
- Lưu: VT, KHTH.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Thị Thanh Vinh

Phụ lục 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA YERSIN NHA TRANG (Tại 1 thời điểm)
ĐẠI HỌC - Y KHOA/Y ĐA KHOA

(Kèm Bản công bố số /BVĐKY-KHTH ngày / /2026 của Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang)

Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
7720101	Đại học	Y đa khoa/Y khoa	Nội bệnh lý 1 thực hành	Bệnh lý hệ tim mạch: 1. Điện tâm đồ ứng dụng trong lâm sàng 2. Tăng huyết áp 3. Điều trị suy tim 4. Hẹp, hở van 2 lá 5. Hẹp, hở van động mạch chủ 6. Tâm phế mạn 7. Con đau thắt ngực 8. Thuốc chống huyết khối sử dụng trong bệnh lý tim mạch	Nội Tổng hợp	4	40	95	285	0	40
				Bệnh lý hệ hô hấp: 1. Viêm phế quản cấp, mạn 2. Viêm phổi 3. Hen phế quản 4. Áp xe phổi 5. Ung thư phổi Bệnh lý hệ nội tiết: 1. Bướu cổ đơn thuần 2. Basedow 3. Đái tháo đường	CC-HSTC & CĐ	5	50	10	30	0	30



Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Bệnh lý hệ tiêu hóa 1. Loét dạ dày - tá tràng 2. Xơ gan 3. Viêm gan mạn 4. Xuất huyết tiêu hóatrên 5. Táo bón 6. Hội chứng ruột kích thích Bệnh lý hệ tiết niệu: 1. Viêm cầu thận mạn 2. Hội chứng thận hư thứ phát 3. Viêm đài bể thận cấp,mạn 4. Viêm bàng quang,niệu đạo 5. Suy thận mạn Bệnh lý hệ huyết học: 1. Chẩn đoán và điều trị thiếu máu 2. Leucemie cấp 3. Leucemie kinh 4. Xuất huyết giảm tiểucầu không rõ nguyên nhân 5. An toàn truyền máu Bệnh lý hệ cơ xương khớp: 1. Gút 2.Thoái hóa khớp 3.Viêm khớp dạng thấp	Nội Tổng hợp CC-HSTC & CĐ	4 5	40 50	95 10	285 30	0 0	40 30

Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
			Nội bệnh lý 3 thực hành	Bệnh lý cấp cứu: 1. Cấp cứu ngừng hô hấp tuần hoàn 2. Sốc 3. Ngộ độc cấp: Nguyên tắc xử trí và xử trí ngộ độc một số chất 4. Điện giật, ngạt nước, rắn độc cắn 5. Phù phổi cấp 6. Nhồi máu cơ tim cấp 7. Rối loạn nhịp tim 8. Suy hô hấp cấp 9. Ho ra máu Bệnh lý tổng hợp: 1. Chẩn đoán và điều trị hôn mê 2. Chẩn đoán và điều trị đau ngực 3. Chẩn đoán và điều trị đau lưng 4. Rối loạn nước và điện giải 5. Chẩn đoán và điều trị bệnh ở người cao tuổi	Nội Tổng hợp CC-HSTC & CĐ	4 5	40 50	95 10	285 30	0 0	40 30
			Ngoại bệnh lý 1 thực hành	Hệ tiêu hóa: 1. Trĩ nội, trĩ ngoại 2. Viêm ruột thừa 3. Thủng dạ dày Hẹp môn vị 4. Sỏi mật 5. Tắc ruột 6. Viêm tụy cấp 7. Chảy máu đường tiêu hóa Hệ tiết niệu 1. U xơ tiền liệt tuyến 2. Sỏi tiết niệu 3. Chấn thương và vết thương thận 4. Đập, vỡ niệu đạo	Ngoại tổng hợp	1	10	20	60	0	10

Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Cơ quan vận động: 1. Gãy đầu dưới hai xương cẳng tay 2. Gãy xương bàn tay Viêm xương 3. Gãy hai mắt cá Gãy cổ xương đùi 4. Gãy thân xương đùi Vỡ mâm chày 5. Gãy xương cẳng chân Cắt cụt chi 6. Gãy thân xương cánh tay 7. Gãy trên lồi cầu xương cánh tay 8. Gãy mỏm khuỷu Hệ tiêu hóa: 1. Rò hậu môn 2. Tắc ruột sơ sinh 3. Hẹp môn vị 4. Sỏi mật chủ và các biến chứng cấp 5. Vết thương thấu bụng 6. Tăng áp lực tĩnh mạch cửa 7. Chảy máu đường tiêu hóa 8. Lồng ruột cấp ở trẻ bú mẹ và trẻ em 9. Dẫn đại tràng 10. Xoắn đại tràng 11. Bệnh trĩ Hệ vận động: 1. Gãy thân hai xương cẳng tay 2. Gãy xương thuyền 3. Gãy xương sườn 4. Trật khớp vùng cổ bàn chân 5. Gãy đầu trên xương đùi 6. Gãy đầu dưới xương đùi 7. Gãy cổ phẫu thuật xương cánh tay 8. Chèn ép khoang							

[Signature]

Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
			Phụ sản 2 thực hành	Sản khoa 1. Sản khó -Thăm khám các trường hợp thai nghén có nguy cơ cao -Thăm khám và theo dõi các trường hợp chuyển dạ đẻ khó 2. Sản bệnh - Thăm khám và chẩn đoán thai già tháng -Thăm khám và chẩn đoán thai non tháng, dọa sinh non -Thăm khám và chẩn đoán bệnh tim và thai nghén -Thăm khám và chẩn đoán bệnh tiền sản giật - sản giật -Thăm khám và chẩn đoán trường hợp đa ối - thiếu ối 3. Phụ khoa: -Thăm khám và chẩn đoán chữa ngoài tử cung -Thăm khám và chẩn đoán thai chết lưu trong tử cung -Thăm khám và chẩn đoán thai trứng và theo dõi sau nạo thai trứng 4. Thăm khám và chẩn đoán u xơ tử cung 5. Thăm khám và chẩn đoán u nang buồng trứng	Phụ Sản	4	40	38	114	0	40

Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				6. Thăm khám và chẩn đoán các trường hợp viêm sinh dục 7. Thăm khám và chẩn đoán ung thư cổ tử cung 8. Thăm khám và chẩn đoán vô sinh 9. Thăm khám và chẩn đoán các bệnh lành tính tuyến vú 10. Thăm khám và chẩn đoán K thân tử cung 11. Thăm khám và chẩn đoán các tổn thương lành tính CTC, AĐ, AH 12. Thăm khám và chẩn đoán sa sinh dục 13. Thăm khám và chẩn đoán các trường hợp rối loạn kinh nguyệt 14. Thăm khám và chẩn đoán các dọa sảy thai –sảy thai							
			Nhi 2 thực hành	Bệnh học: 1. Chẩn đoán và Xử trí Suy HHCT 2. Chẩn đoán và Xử trí hôn mê 3. Chẩn đoán và Xử trí vàng da 4. Chẩn đoán và Xử trí co giật 5. Chẩn đoán và Xử trí Thiếu máu 6. Chẩn đoán và Xử trí Xuất huyết 7. Chẩn đoán và Xử trí RL kiểm - toan 8. Chẩn đoán và Xử trí Ngộ độc cấp 9. Chẩn đoán và điều trị Suy tim	Nhi	2	20	75	225	0	20

KINH HOÀ

~

Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				10. Chẩn đoán và Điều trị HCTH 11. Chẩn đoán và điều trị Hen PQ 12. Chẩn đoán và điều trị N khuẩn Sơ sinh 13. Chẩn đoán và điều trị nhiễm khuẩn TN 14. Chẩn đoán sơ sinh non yếu 15. Chẩn đoán Tim bẩm sinh 16. Chẩn đoán BC cấp Chăm sóc sức khỏe ban đầu: 1. Thực hành IMCI 2. Sử dụng thuốc cho trẻ 3. Tư vấn CSSKBĐ							

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
PHÓ GIÁM ĐỐC
 (Ký và đóng dấu)

Bùi Thị Thanh Vinh

(Kèm theo Bản công bố số /BVĐKY-KHTH ngày / /2026 của Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Bảo Anh	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	0003462/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	12	Nội bệnh lý 1 thực hành	Bệnh lý hệ tim mạch: 1. Điện tâm đồ ứng dụng trong lâm sàng 2. Tăng huyết áp 3. Điều trị suy tim 4. Hẹp, hở van 2 lá 5. Hẹp, hở van động mạch chủ 6. Tâm phế mạn 7. Con đau thắt ngực 8. Thuốc chống huyết khối sử dụng trong bệnh lý tim mạch Bệnh lý hệ hô hấp: 1. Viêm phế quản cấp, mạn 2. Viêm phổi 3. Hen phế quản 4. Áp xe phổi 5. Ung thư phổi Bệnh lý hệ nội tiết: 1. Bướu cổ đơn thuần 2. Basedow 3. Đái tháo đường	Nội tổng hợp & CC - HSTC & CĐ	95
2	Nguyễn Thị Tâm	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội	007818/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	5	Nội bệnh lý 2 thực hành	Bệnh lý hệ tiêu hóa 1. Loét dạ dày - tá tràng 2. Xơ gan 3. Viêm gan mạn 4. Xuất huyết tiêu hóa trên		10
3	Đinh Xuân Ninh	Bác sĩ CKI YHGĐ	CKI YHGĐ	0004412/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	10				

4	Nguyễn Quang Minh	BS CKI Nhi	CKI Nhi	000155/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp.	14	Nội bệnh lý 3 thực hành	5. Táo bón 6. Hội chứng ruột kích thích Bệnh lý hệ tiết niệu: 1. Viêm cầu thận mạn 2. Hội chứng thận hư thứ phát 3. Viêm đài bể thận cấp, mạn 4. Viêm bàng quang, niệu đạo 5. Suy thận mạn Bệnh lý hệ huyết học: 1. Chẩn đoán và điều trị thiếu máu 2. Leucemie cấp 3. Leucemie kinh 4. Xuất huyết giảm tiểu cầu không rõ nguyên nhân 5. An toàn truyền máu Bệnh lý hệ cơ xương khớp: 1. Gút 2.Thoái hóa khớp 3.Viêm khớp dạng thấp Bệnh lý cấp cứu: 1. Cấp cứu ngừng hô hấp tuần hoàn 2.Sốc 3.Ngộ độc cấp: Nguyên tắc xử trí và xử trí ngộ độc một số chất 4.Điện giật, ngạt nước, rắn độc cắn 5.Phù phổi cấp 6.Nhồi máu cơ tim cấp 7.Rối loạn nhịp tim 8.Suy hô hấp cấp 9.Ho ra máu Bệnh lý tổng hợp: 1.Chẩn đoán và điều trị hôn mê 2.Chẩn đoán và điều trị đau ngực 3.Chẩn đoán và điều trị đau lưng 4.Rối loạn nước và điện giải 5.Chẩn đoán và điều trị bệnh ở người cao tuổi
5	Nguyễn Phước Lộc	Bác sĩ CKI Nội	CKI Nội TQ	0004123/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	11		
6	Bùi Nguyên Lâm	Bác sĩ Y khoa	Y khoa	008652/KH-CCHN	Khám, chữa bệnh đa khoa	3		
7	Lương Thị Kim Hiền	Bác sĩ Y khoa	Y khoa	008217/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội	3		
8	Quảng Minh Đạt	Bác sĩ Y khoa	Y khoa	000279/KH-CCHN	Chuyên khoa Nội khoa	2		
9	Trần Anh Tâm	Bác sĩ Y khoa	Y khoa	000458/KH-GPHN	Chuyên khoa Nội khoa	2		

10	Huỳnh Cẩm Thạch	Bác sĩ CKII Ngoại khoa	CKII Ngoại khoa	000306/KH-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp. (Bổ sung khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại theo QĐ 1253/QĐ-SYT ngày 31/12/2015 của SYT tỉnh Khánh Hòa)	14	Ngoại bệnh lý 1 thực hành	Hệ tiêu hóa: 1. Trĩ nội, trĩ ngoại Viêm ruột thừa Thủng dạ dày Hẹp môn vị 2. Sỏi mật Tắc ruột 3. Viêm tụy cấp 4. Chảy máu đường tiêu hóa Hệ tiết niệu: 1. U xơ tiền liệt tuyến Sỏi tiết niệu 2. Chấn thương và vết thương thận 3. Dập, vỡ niệu đạo 4. Cơ quan vận động: 5. Gãy đầu dưới hai xương cẳng tay 6. Gãy xương bàn tay Viêm xương 7. Gãy hai mắt cá Gãy cổ xương đùi 8. Gãy thân xương đùi Vỡ mâm chậu 9. Gãy xương cẳng chân Cắt cụt chi 10. Gãy thân xương cánh tay 11. Gãy trên lồi cầu xương cánh tay 12. Gãy mõm khuỷu Hệ tiêu hóa: 1. Rò hậu môn 2. Tắc ruột sơ sinh 3. Hẹp môn vị 4. Sỏi mật chủ và các biến chứng cấp 5. Vết thương thấu bụng 6. Tăng áp lực tĩnh mạch cửa 7. Chảy máu đường tiêu hóa 8. Lòng ruột cấp ở trẻ bú mẹ và trẻ em 9. Dẫn đại tràng 10. Xoắn đại tràng 11. Bệnh trĩ Hệ vận động: 1. Gãy thân hai xương cẳng tay 2. Gãy xương thuyền	Ngoại tổng hợp	20
----	-----------------	------------------------	-----------------	----------------	---	----	---------------------------	---	----------------	----

							3. Gãy xương sườn 4. Trật khớp vùng cổ bàn chân 5. Gãy đầu trên xương đùi 6. Gãy đầu dưới xương đùi 7. Gãy cổ phẫu thuật xương cánh tay 8. Chèn ép khoang 9. Hội chứng rối loạn dinh dưỡng 10. Trật khớp cùng đòn 11. Nhiễm trùng ngoại Khoa Lồng ngực: 1. Tràn khí màng phổi mở 2. Vết thương tim Tiết niệu: 1. Sỏi kẹt niệu đạo 2. Chấn thương thận 3. Vỡ bàng quang trong phúc mạc 4. Con đau bao thận 5. Sỏi bàng quang Cột sống: 1. Chấn thương cột sống cổ 2. Chấn thương cột sống cổ cao 3. Chấn thương cột sống cổ thấp 4. Điều trị gãy cột sống cổ 5. Gãy cột sống lưng – thắt lưng 6. Khám cột sống cổ 7. Khám cột sống thắt lưng 8. Cấp cứu chấn thương cột sống 9. Thoát vị cột sống thắt lưng 10. Thoát vị đĩa đệm cổ 11. Thoát vị đĩa đệm thắt lưng 12. Giải phẫu học cột sống thắt lưng 13. Thoái hóa cột sống- Trượt đốt sống thắt lưng. Thần kinh sọ não: 1. Cấp cứu chấn thương thần kinh 2. Chấn thương sọ não 3. CT Scanner chấn thương sọ não		
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

11	Lê Trần Mai Phuong	Bác sĩ CKII Sân phụ khoa	CKII Sân phụ khoa	0002935/KH- CCHN	Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sân phụ khoa	12	Phụ sản 2 thực hành	Sân khoa: 1. Sân khó -Thăm khám các trường hợp thai nghén có nguy cơ cao -Thăm khám và theo dõi các trường hợp chuyển dạ đẻ khó 2. Sân bệnh - Thăm khám và chẩn đoán thai già tháng -Thăm khám và chẩn đoán thai non tháng, dọa sinh non -Thăm khám và chẩn đoán bệnh tim và thai nghén -Thăm khám và chẩn đoán bệnh tiền sản giật - sản giật -Thăm khám và chẩn đoán trường hợp đa ối - thiếu ối 3. Phụ khoa: -Thăm khám và chẩn đoán chữa ngoài tử cung -Thăm khám và chẩn đoán thai chết lưu trong tử cung -Thăm khám và chẩn đoán thai trứng và theo dõi sau nạo thai trứng 4. Thăm khám và chẩn đoán u xơ tử cung 5. Thăm khám và chẩn đoán u nang buồng trứng 6. Thăm khám và chẩn đoán các trường hợp viêm sinh dục 7. Thăm khám và chẩn đoán ung thư cổ tử cung 8. Thăm khám và chẩn đoán vô sinh 9. Thăm khám và chẩn đoán các bệnh lành tính tuyến vú 10. Thăm khám và chẩn đoán K thân tử cung. 11. Thăm khám và chẩn đoán các tổn thương lành tính CTC, AĐ, AH 12. Thăm khám và chẩn đoán sa sinh dục 13. Thăm khám và chẩn đoán các trường hợp rối loạn kinh nguyệt 14. Thăm khám và chẩn đoán các dọa sảy thai –sảy thai	Phụ sản	38
12	Phạm Văn Dũng	Bác sĩ CKI Sân phụ khoa	CKI Sân phụ khoa	007023/KH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sân phụ khoa.	7				
13	Lê Nguyễn Đông Thức	Bác sĩ Y khoa	Y khoa	008097/KH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sân phụ khoa.	4				
14	Lý Thị Lệ	Bác sĩ Y khoa	Y khoa	003456/ĐNO- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Sân phụ khoa	3				

15	Trần Lan Anh	Bác sĩ CKII Nhi khoa	CKII Nhi khoa	001126/KH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	13	Nhi 2 thực hành	Bệnh học: 1. Chẩn đoán và Xử trí Suy HHCT 2. Chẩn đoán và Xử trí hôn mê 3. Chẩn đoán và Xử trí vàng da 4. Chẩn đoán và Xử trí co giật 5. Chẩn đoán và Xử trí Thiếu máu 6. Chẩn đoán và Xử trí Xuất huyết 7. Chẩn đoán và Xử trí RL kiểm - toan 8. Chẩn đoán và Xử trí Ngộ độc cấp 9. Chẩn đoán và điều trị Suy tim 10. Chẩn đoán và Điều trị HCTH Chẩn đoán và điều trị Hen PQ: 12. Chẩn đoán và điều trị nhiễm khuẩn Sơ sinh 13. Chẩn đoán và điều trị N khuẩn TN 14. Chẩn đoán sơ sinh non yếu 15. Chẩn đoán Tim bẩm sinh 16. Chẩn đoán BC cấp Chăm sóc sức khỏe ban đầu: 1. Thực hành IMCI 2. Sử dụng thuốc cho trẻ 3. Tư vấn CSSKBĐ	Nhi	75
16	Phạm Thị Thu Thúy	Thạc sĩ bác sĩ	Nhi khoa	006185/KH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	8				

Tổng cộng: 16 người

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Ký và đóng dấu)

Bùi Thị Thanh Vinh

Phụ lục 3
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA YERSIN NHA TRANG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU
GIẢNG DẠY THỰC HÀNH ĐẠI HỌC - Y KHOA/Y ĐA KHOA
(Kèm theo Bản công bố số /BVĐKY-KHTH ngày / /2026
của Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang)

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
1	Phòng học	1 phòng học/khoa	- Khoa Nội tổng hợp - Khoa Ngoại tổng hợp - Khoa Phụ sản - Khoa Nhi - Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực & chống độc
2	Máy tính (laptop)	3	Sử dụng luân phiên ở các khoa, Hội trường và các phòng đào tạo
3	Máy chiếu	2	Sử dụng luân phiên ở các khoa, Hội trường và các phòng đào tạo
4	Màn chiếu	1	Sử dụng luân phiên ở các khoa, Hội trường và các phòng đào tạo
5	Bảng viết lớn	3	Sử dụng luân phiên ở các khoa, Hội trường và các phòng đào tạo
6	Giường bệnh	238	- Khoa Nội tổng hợp (95 giường) - Khoa Ngoại tổng hợp (20 giường) - Khoa Phụ sản (38 giường) - Khoa Nhi (75 giường) - Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực & chống độc (10 giường)
7	Phòng giao ban tại khoa phòng	1 phòng/khoa	- Khoa Nội tổng hợp - Khoa Ngoại tổng hợp - Khoa Phụ sản - Khoa Nhi - Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực & chống độc
8	Phòng khám	16	- Phòng khám Sản: 01 - Phòng khám Phụ Khoa: 01 - Phòng khám nội tổng hợp: 6 - Phòng khám Mắt: 01 - Phòng khám ngoại tổng hợp: 02 - Phòng khám Nhi: 02 - Phòng khám Tai mũi họng: 01 - Phòng khám Răng Hàm Mặt: 01 - Phòng khám YHCT- VLTL- PHCN: 01



7/

9	Phòng tiểu phẫu	1	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực & chống độc
10	Phòng bó bột	1	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực & chống độc
11	Bộ đo huyết áp	49	- Khoa Nội tổng hợp: 17 - Khoa Ngoại tổng hợp: 06 - Khoa Phụ sản: 06 - Khoa Nhi: 09 - Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực & chống độc: 11
12	Ổng nghe	39	- Khoa Nội tổng hợp: 14 - Khoa Ngoại tổng hợp: 05 - Khoa Phụ sản: 05 - Khoa Nhi: 07 - Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực & chống độc: 08
13	Máy đo điện tim	6	- Khoa Nội tổng hợp: 01 - Khoa Phụ sản: 01 - Khoa Nhi: 02 - Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực & chống độc: 02
14	Bơm tiêm điện	14	- Khoa Nội tổng hợp: 04 - Khoa Phụ sản: 01 - Khoa Nhi: 05 - Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực & chống độc: 04
15	Máy cưa bột	1	Khoa Ngoại tổng hợp
16	Đèn chiếu vàng da sơ sinh (Đèn chiếu vàng da hai mặt)	3	Khoa Nhi
17	Bộ thông niệu đạo nữ (Bộ 21 ống thông niệu đạo Dittel cong (10-30Fr))	3	Khoa Phụ sản
18	Monitor sản khoa (Máy đo nhịp tim thai bằng siêu âm)	3	Khoa Phụ sản

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
PHÓ GIÁM ĐỐC
 (Ký và đóng dấu)

Bùi Thị Thanh Vinh